

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/KDTM – ST
Ngày: 05-11-2019
V/v “TC hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Công Trường
2. Bà Phạm Thị Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Liên– Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Bà – Nguyễn Thị Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 27/2019/TLST-KDTM ngày 14 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hợp mua bán hàng hóa; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST –KDTM ngày 17/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty A

Trụ sở: đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh P – Chủ tịch hội đồng quản trị (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Lê H -Trưởng phòng hành chính nhân sự (có mặt).

Bị đơn: Công ty B

Trụ sở: , khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Công T (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-8-2019, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/4/2018, Công ty A đã ký hợp đồng nguyên tắc số 41/2018/HĐNT-XD/TBD-TK với Công ty B. Theo hợp đồng này, Công ty A bán cho Công ty B các mặt hàng dầu Diesel, dầu nhớt. Mục đích của Công ty B là để cung cấp nhiên liệu cho đội vận tải của Công ty B. Việc mua bán được thực hiện theo từng đơn hàng cụ thể của Công ty B gửi đến cho Công ty A. Hình thức thanh toán là chuyển khoản,

thời hạn thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày giao nhận hàng (Theo Điều 4 của Hợp đồng nguyên tắc đã ký kết). Căn cứ các đơn đặt hàng của Công ty B, Công ty A đã giao hàng và xuất hóa đơn đầy đủ theo yêu cầu của Công ty B cụ thể như sau:

Ngày ra hóa đơn	Số hóa đơn	Số lượng	Thành tiền
09/10/2018	0015430	14.000 lít	247.940.000đ
26/12/2018	0015491	14.000 lít	247.940.000đ

Tổng cộng: 495.880.000đ (bốn trăm chín mươi lăm, tám trăm tám mươi nghìn đồng). Công ty B đã thanh toán được 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Còn nợ lại 295.880.000đ (Hai trăm chín mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Đã đến thời hạn thanh toán thỏa thuận trong hợp đồng, Công ty B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Ngày 11/6/2019, Công ty A đã có công văn đề nghị thanh toán nợ gốc, biên bản tính lãi, biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ đề yêu cầu Công ty B thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty A nhưng Công ty B vẫn không thanh toán.

Vì thế, Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty A số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 09/10/2018 đến ngày 05/11/2019. Cụ thể như sau: Nợ gốc: 295.880.000 đồng; Nợ lãi 14.379.688 đồng.

Tuy nhiên, ngày 29/10/2019, Công ty B đã chuyển khoản trả tiếp tục 50.000.000 đồng của khoản nợ ngày 09/10/2018.

Đối với bị đơn: Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn Công ty B vẫn không đến Tòa án làm việc mà không có lý do. Sau nhiều lần Công ty B vắng mặt, đại diện Tòa án cũng đã phối hợp với đại diện địa phương đến trụ sở Công ty B để tìm hiểu nguyên nhân nhưng không gặp đại diện theo pháp luật của Công ty B. Qua xác minh tại địa phương: Công an địa phương cung cấp: Công ty B hiện có trụ sở tại khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và hiện vẫn đang hoạt động bình thường.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu số tiền nợ gốc là 245.880.000 đồng và tiền lãi 13.591.836 (Mười ba triệu năm trăm chín mươi một nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng)

Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý giải quyết vụ án trên là đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi chậm trả thời điểm vi phạm

đến ngày 05/11/2019 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn;

Về tiền phạt do vi phạm Hợp đồng: Nguyên đơn không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Ý kiến của Viện Kiểm Sát, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:** Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Công ty A cung cấp, xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, 35, 36, 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Công ty B đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

-Về nội dung tranh chấp:

[1] Đối với hợp đồng nguyên tắc số 41/2018/HĐNT-XD/TBD-TK ngày 12/4/2018 được ký giữa Công ty A với Công ty B có hình thức, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và đã được các bên thực hiện nên có giá trị pháp lý buộc các bên phải thi hành.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc:

[2.1] Về quá trình thực hiện hợp đồng: Nhận thấy Công ty Công ty A cung cấp các mặt hàng dầu Diesel, dầu nhớt để cung cấp nhiên liệu cho cho đội xe vận tải của Công ty B theo hợp đồng nguyên tắc số 41/2018/HĐNT-XD/TBD-TK ngày 12/4/2018

Thực hiện Hợp đồng nêu trên, Công ty A đã giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty B thành 2 đợt như sau:

Ngày ra hóa đơn	Số hóa đơn	Số lượng	Thành tiền
09/10/2018	0015430	14.000 lít	247.940.000đ
26/12/2018	0015491	14.000 lít	247.940.000đ

Căn cứ vào các Biên bản tính lãi ngày 11/6/2019 và ngày 08/4/2019, Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/5/2019, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0015430 ngày 09/10/2018, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0015491 ngày 26/10/2019 đã thể hiện phía Công ty Công ty A đã 02 lần cung cấp dầu Diesel, dầu nhớt cho Công ty B. Công ty A xác nhận Công ty B đã thanh toán được 200.000.000 đồng của đợt giao hàng ngày 09/10/2018, còn nợ lại 47.940.000đ. Tiếp theo đợt giao hàng ngày 26/12/2018 với số tiền là 247.940.000đ cho đến nay thì Công ty B không thanh toán cho Công ty A

Tại các chứng cứ nêu trên cũng thể hiện tổng số tiền nợ gốc Công ty B còn nợ Công ty A tính đến ngày 11/6/2018 là 295.880.000đ đồng và số tiền trên là khớp với số tiền 295.880.000đ được Công ty B xác nhận tại thời điểm ngày 11/6/2019. Ngày 29/10/2019, Công ty B đã thanh toán cho Công ty A số tiền 50.000.000đ của khoản nợ ngày 09/10/2019. Như vậy số tiền gốc mà Công ty B còn nợ của Công ty A là 245.880.000đ và tiền lãi mà Công ty A yêu cầu tính từ ngày 24/10/2019 đến ngày 05/11/2019 là 13.591.836 đồng

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án phía Công ty B vắng mặt và cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ thể hiện đã trả cho Công ty A toàn bộ số tiền nợ còn lại nêu trên. Do đó, việc Công ty A yêu cầu Công ty B phải trả số tiền nợ gốc 245.880.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi chậm thanh toán:

Việc Công ty B đã không thanh toán đủ tiền hàng cho Công ty A. Do đó, Công ty phải chịu tiền lãi chậm trả của số tiền chưa thanh toán theo quy định tại Điều 4 của các Hợp đồng nguyên tắc đã ký giữa các bên.

Về thời gian tính lãi của giá trị từng đơn hàng cũng như mức lãi suất chậm thanh toán được áp dụng theo yêu cầu của Công ty A là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu của Công ty A về việc buộc Công ty B phải trả lãi từ thời điểm vi phạm ngày 24/10/2019 đến thời điểm xét xử 05/11/2019 là 13.591.836 đồng là phù hợp nên cần chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền Công ty B phải thanh toán cho Công ty A là 259.471.836 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc: 245.880.000 (hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng), nợ lãi do chậm thanh toán là 13.591.836 (Mười ba triệu năm trăm chín mươi một nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2.3] Đối tiền phạt vi phạm Hợp đồng: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty B phải nộp án phí trên số tiền phải thanh toán cho Công ty A

Công ty A được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 24, 50, 297, 300, 301, 306, 317 của Luật thương mại; các Điều 30, 35, 39 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A

Buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty A tổng số tiền tính đến ngày 05/11/2019 là 259.471.836 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc: 245.880.000 (hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng), nợ lãi do chậm thanh toán là 13.591.836 (Mười ba triệu năm trăm chín mươi một nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty B phải nộp 12.973.592 (mười hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm chín mươi hai đồng)

Hoàn lại cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.397.000 (Bảy triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010161 ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm (đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX Phú Mỹ;
- Chi cục THA DS TX Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Văn Thị Hiền

